TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 24/ 01 /2019
"V/v: Tranh chấp Tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ái Nguyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn

Bà Lê Thị Thu Huyền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - *Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ dân sự thụ lý số: 76/2017/TLPT-DS ngày 12tháng 12 năm 2017 về việc "tranh chấp tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64 /2018/PT-DS ngày 22/8/ 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Công ty CP Đầu tư sản xuất và thương mại A**

Địa chỉ: Tầng 8, số 2, phố E, quận F, TP.Hà Nội.

(Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ……. do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày ……; thay đổi giấy CNĐK kinh doanh lần thứ 19 ngày ……).

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông: **Phan Hoài N** - sinh năm: 1971;

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt

2. *Bị đơn*: **Văn phòng Công chứng B**

Địa chỉ: Số nhà 2497 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, TP.V, tỉnh Phú Thọ.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông: **Phùng Văn M** - sinh năm: 1962;

Chức vụ: Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959

Địa chỉ: CT01CC The Pride, KĐT mới An H, La Khê, quận X, Hà Nội. (Theo văn bản ủy quyền ngày …….) Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*:

Ông: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1959;

Là Luật sư, Công ty luật TNHH G, thuộc đoàn luật sư TP.Hà Nội.

Địa chỉ: phòng 309 nhà M1 ngõ 487 phố H, quận F, Tp.Hà Nội. Có mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. **Công ty cổ phần C (ELITECO)**.

Địa chỉ: số 18 đường Trần H Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông: **Trịnh Q**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần C.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông: **Nguyễn Quang H** -sinh năm: 1972;

Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính tổng hợp; (VB ủy quyền ngày 24/8/2017).

3.2. Anh: **Nguyễn Xuân P** – SN 1976;

Địa chỉ: khu phố Du Nghệ, thị trấn L, huyện L, TP.Hà Nội.

Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo đại diện Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A trình bày như sau:

Ngày 21/4/2011, tại Văn phòng Công chứng B giữa Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A (sau đây viết tắt là: Công ty A) và Công ty Cổ phầnC ELITECO (sau đây viết tắt là Công ty Viễn thông) có ký kết với nhau Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Theo đó, Công ty A chuyển nhượng cho Công ty Viễn thông quyền sử dụng đất có diện tích là: 9.134m^2 ; tại thửa số 767, tờ bản đồ số 13; địa chỉ đất ở tại khu Đồng Chài, xã Thụy Vân, TP.V, tỉnh Phú Thọ; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD858574 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/4/2011, mang tên Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A; mục đích sử dụng đất: là xây dựng khu nhà ở; thời hạn sử dụng đất: lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Với giá chuyển nhượng là: 3,7 tỷ đồng.

NH trên thực tế thì ông Nguyễn Xuân P lấy danh nghĩa là Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc công ty để vay số tiền là: 10 tỷ đồng của Công ty Viễn thông; với mục đích để chi tiêu cá nhân. Việc ông P nhận tiền từ Công ty Viễn thông không vào sổ sách của công ty. Nên khi ông P bàn giao cho các thành viên của Công ty A mới không có số tiền vay 10 tỷ đồng này của Công ty Viễn Thông. Sự việc trên đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ ra quyết định khởi tố vụ án đối với Nguyễn Xuân P về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú

Thọ đang giải quyết vụ án. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất chỉ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty A chứ không phải là mua bán thật.

Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất trên được Văn phòng Công chứng B công chứng số 152, quyển số 01/2011-TP/CC-SCC/HĐCN ngày 21/4/2011, do Công chứng viên Phùng Văn M ký.

Nay Công ty A đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng trên vô hiệu, vì lý do sau: - Quyền sử dụng đất mà Công ty A chuyển nhượng cho Công ty Viễn thông không được quyền chuyển nhượng, theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai năm 2003.

- Khi ký kết hợp đồng Công ty Viễn thông giao cho ông Trịnh Q Long là người không có chức danh, không có giấy ủy quyền, không phải là người đại diện theo pháp luật cho Công ty Viễn thông ký kết hợp đồng và đóng dấu Công ty Viễn thông là trái pháp luật vì vi phạm về chủ thể.

*/ Đại diện Văn phòng Công chứng B ông Phùng Văn M thừa nhận ngày 21/4/2011, Văn phòng Công chứng B có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Công ty A và Công ty Viễn thông như phía nguyên đơn trình bày như nêu trên là hoàn toàn đúng. Do ông tin tưởng vào hai bên cho nên khi ký văn bản công chứng hợp đồng ông không nghiên cứu, kiểm tra kỹ các giấy tờ, thủ tục của hai bên xuất trình. Đến nay ông M nhận thấy việc ông ra văn bản chứng thực hợp đồng CNQSD đất giữa Công ty A và Công ty Viễn thông là sai vì loại đất mà hai bên chuyển nhượng thuộc loại đất mà Nhà nước cấm chuyển nhượng. Việc Công ty A khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng số 152 quyển số 01/2011-TP/CC-SCC/HĐCN của Văn phòng Công chứng B là vô hiệu thì ông hoàn toàn nhất trí và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*/ Đại diện Công ty cổ phầnC (ELITECO) thừa nhận ngày 21/4/2011, giữa Công ty A và Công ty Viễn thông có ký kết với nhau Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và được Văn phòng Công chứng B chứng thực như phía nguyên đơn và bị đơn trình bày là hoàn toàn đúng. việc các bên lập hợp đồng CNQSD đất mục đích chính để đảm bảo cho khoản vay 10.000.000.000đ của Công ty A với Công ty Viễn thông chứ không phải là chuyển nhượng thực tế. Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng nêu trên vô hiệu thì phía Công ty Viễn thông hoàn toàn nhất trí, nH đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Yêu cầu Công ty A phải trả cho Công ty Viễn thông số tiền vay gốc là: 10 tỷ đồng và lãi suất phát sinh từng thời điểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước từ ngày 22/7/2011 đến ngày 29/9/2017 là 5.570.000.000đ,.

- Yêu cầu Văn phòng Công chứng B phải bồi thường thiệt hại: Về lãi cơ bản trên cổ phiếu từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở số tiền 10 tỷ đồng, thời gian từ năm 2012 đến năm 2016, số tiền là: 26.606.000.000đ và các chi phí phát sinh liên quan đến

việc giải quyết công việc tại Phú Thọ xuất phát từ việc ký kết Hợp đồng CNQSD đất số công chứng 152 ngày 2/4/2011, với tổng số tiền là: 62.941.200đ.

*/ Anh Nguyễn Xuân P trình bày:

Vào ngày 21/4/2011, khi đó anh đang là Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A có ký kết với Công ty cổ phầnC ELITECO Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và được Văn phòng Công chứng B chứng thực, như Hợp đồng có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn đúng. NH thực tế việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng trên là để đảm bảo cho việc Công ty A vay số tiền 10 tỷ đồng của Công ty Viễn thông. Trong hợp đồng chỉ ghi số tiền chuyển nhượng là 3,7 tỷ đồng chỉ là hình thức, vì giá trị QSD đất lớn hơn số tiền vay 10 tỷ đồng. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng và được công chứng tại văn phòng công chứng B thì Công ty Viễn thông mới chuyển số tiền 10 tỷ đồng cho Công ty A làm hai lần. Anh là người trực tiếp nhận số tiền trên; cụ thể: Nhận tiền mặt là 8,2 tỷ đồng vào ngày 21/4/2011, số tiền còn lại 1,8 tỷ đồng Công ty Viễn thông chuyển khoản vào ngày 22/4/2011. Việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tại văn phòng công chứng B là hoàn toàn khách quan, tự nguyện.

Đối với số tiền 10 tỷ đồng vay của Công ty Viễn thông là để phục vụ cho việc kinh doanh của công ty, nên khoản nợ này là của Công ty A, không phải là khoản vay cá nhân của anh với Công ty Viễn thông. Khi bàn giao cho các cổ đông, thành viên Công ty A mới tuy không có sổ sách, chứng từ gì để chứng M, nH anh đã bàn giao bằng miệng khoản nợ 10 tỷ đồng này. Nên anh không có trách nhiệm gì đối với khoản tiền 10 tỷ đồng trên.

Nay Công ty A đề nghị tuyên bố Văn bản công chứng của Văn phòng công chứng B công chứng cho Hợp đồng CNQSD đất mà anh làm đại diện cho Công ty A ký kết với Công ty Viễn thông là vô hiệu, anh P đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Ngày 13/7/2016, anh P bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ bắt tạm giam và bị khởi tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó có bị khởi tố về hành vi liên quan đến số tiền 10 tỷ đồng này của Công ty Viễn thông. Hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của công an tỉnh Phú Thọ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 16/10/2017 Tòa án nhân dân thành phố V đã áp dụng Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 12 Luật Công chứng năm 2006;

- Điều 122, 127, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005;

Xử: Tuyên bố Văn bản công chứng số 152, quyển số 01/2011-TP/CC-SCC/HĐCN ngày 21/4/2011 cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa

Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại A với Công ty cổ phầnC, của Văn phòng Công chứng B vô hiệu.

Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2017 Công ty cổ phầnC (ELITECO) có đơn kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm không giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 152, quyển số 01/2011-TP/CC-SCC/HĐCN ngày 21/4/2011 là không đúng, yêu cầu công ty CP đầu tư sản xuất và TM A phải trả số tiền gốc 10 tỷ và lãi suất theo Ngân hàng chứ không phải cá nhân anh P.

Tòa án không buộc Văn phòng công chứng B phải bồi thường thiệt hại cho cho Công ty điện tử viễn thông toàn bộ thiệt hại liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng đất mà Văn phòng công chứng B xác lập.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty cổ phầnC (ELITECO) giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Ngày 21/4/2011 Công ty A và Công ty Viễn Thông Ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng B. Xét về hợp đồng hai bên ký kết chỉ là điều kiện để đảm bảo cho khoản vay của Công ty A, về hình thức là trái quy định của pháp luật. Hơn nữa hợp đồng sai về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng, người đại diện tham gia ký kết hợp đồng đối với bên Công ty Viễn Thông không phải là đại diện hợp pháp cho Công ty Viễn Thông vì không được người đại diện theo pháp luật của Công ty Viễn Thông ủy quyền để tham gia ký kết hợp đồng. Quyền sử dụng đất mà Công ty A chuyển nhượng cho công Ty Viễn Thông không được quyền chuyển nhượng. Theo khoản 2 Điều 109 Luật Đất Đai năm 2003 quy định thì " Tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất". Tòa án nhân dân thành phố V tuyên bố văn bản công chứng số 152, quyển số 01/2011 ngày 21/4/2011 cho hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A với Công ty từ tin P Viễn thông của Văn phòng công chứng

B vô hiệu là đúng quy định của pháp luật. Theo đó Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai công ty cũng bị vô hiệu.

[2]. Công Ty viễn thông yêu cầu Công ty A trả số tiền gốc 10 tỷ và lãi 5.570.000.000đ. Tại thời điểm Công ty A đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu thì Nguyễn Xuân P đang bị VKSND tỉnh Phú Thọ truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong đó có hành vi lừa đảo của Công ty viễn thông 10 tỷ đồng. Số tiền 10 tỷ đồng anh P vay đang được giải quyết bằng hình sự. Tại bản án hình sự số 11/2018/HSST ngày 05/02/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã nhận định toàn bộ số tiền 10 tỷ đồng P vay của Công ty điện tử viễn thông (Eliteco) P để ngoài sổ sách kế toán, không nộp vào quỹ công ty, không hạch toán vào sổ sách Công ty A mà chi tiên cá nhân. Tuyên bố Nguyễn Xuân P phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc Nguyễn Xuân P bồi thường cho Công ty cổ phầnC 10 tỷ đồng được tính lãi từ ngày 21/4/2011. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết trong vụ án này là hoàn toàn phù hợp.

Ngày 12/02/2018 Công ty cổ phầnC kháng cáo cho rằng quy kết P có hành vi lừa đảo Công ty Eliteco là không đúng vì Nguyễn Xuân P không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền các thông tin về dự án khu nhà ở Thụy Vân, giấy tờ nhà đất là có thật. Công ty A đang triển khai dự án vậy đề nghị xem xét buộc Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 10 tỷ đồng và khoản lãi phát sinh cho Công ty Eliteco.

Ngày 19/02/2018 Nguyễn Xuân P kháng cáo bản hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 05/02/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị xem xét lại tội danh và hình phạt. Như vậy Nguyễn Xuân P nhất trí với phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với số tiền 10 tỷ đồng P phải trả cho Công ty cổ phầnC.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 611/2018/HSPT ngày 12/9/2018 TAND Cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Xuân P và Công ty Eliteco giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 05/02/2018 của TAND tỉnh Phú Thọ. Về trách nhiệm dân sự Buộc Nguyễn Xuân P bồi thường cho Công ty cổ phầnC Eliteco 10 tỷ đồng được tính lãi từ ngày 21/4/2011. Như vậy về việc anh P vay 10 tỷ đồng của Công ty viễn thông thực chất là quan hệ dân sự vay tài sản. Về bản chất của việc ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Công ty A và Công ty Viễn Thông là để đảm bảo khoản vay 10 tỷ đồng điều này đã được anh P thừa nhận tại tài liệu trong hồ sơ vụ án. Đây là hợp đồng giả tạo nhằm che dấu quan hệ pháp luật khác. Tại bản cam kết của anh P ngày 20/10/2014) anh P đã cam kết tại mục 3 “Toàn bộ phát sinh tài chính trong các năm 2011 đến 2014 đã được phản ánh và ghi rõ trong báo cáo tài chính, không có bất kỳ khoản thu, khoản chi nào khác, nếu có mà không được hạch toán trong hệ thống kế toán của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A đều không có giá trị”.

[3]. Đối yêu cầu của Công ty cổ phầnC yêu cầu Văn phòng công chứng B bồi thường thiệt hại liên quan hoạt động SXKD (năm 2011 đến 2016) của công ty đối với số tiền 10 tỷ đồng và chi phí phát sinh do việc làm sai của văn phòng Công chứng B..

Về phạm vi khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại A chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Yêu cầu trên của Công ty cổ phầnC là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do Công ty cổ phầnC không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không xem xét trong bản án này mà sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu là hoàn toàn phù hợp. Từ nH nhận định trên Công ty cổ phầnC kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

Trong vụ án này về phần án phí cấp sơ thẩm tuyên sai số, ngày tháng năm không đúng biên lai thu tiền đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Nay cần sửa lại cho đúng cụ thể theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002586 ngày 11/7/2017….

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phầnC. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V liên quan đến số sê ri và ngày của biên lai thu tiền tạm ứng án phí..

Áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 12 Luật Công chứng năm 2006;
- Điều 122, 127, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bố Văn bản công chứng số 152, quyển số 01/2011-TP/CC-SCC/HĐCN ngày 21/4/2011 cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại A với Công ty cổ phầnC, của Văn phòng Công chứng B vô hiệu.

Án phí: Văn phòng công chứng B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Công ty cổ phầnC phải chịu án phí phúc thẩm.Hoàn trả lại cho Công ty cổ phầnC số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002971 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại A 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí sơ thẩm số 0002586 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT;
- TAND TP V;
- THA dân sự TP V;
- Các đương sự;
- Lưu HS - AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phùng Thị Ái Nguyên

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại A 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí sơ thẩm số 0002586 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trường Sơn Lê Thi Thu Huyền **Phùng Thị Ái Nguyên**